

## Chương 7

# KHO BÁU CỦA NGƯỜI VIỆT

Quyên ngồi trong giảng đường nghe Giáo sư lên lớp về một chuyên đề Lịch sử kiến trúc cho học viên cao học. Hôm nay là bài giảng tiếp theo về Kiến trúc kho báu của người Việt.

Giáo sư vào lớp. Cả lớp đứng dậy chào. Giáo sư vẫy tay ra hiệu mọi người ngồi xuống và nói:

- Hôm nay thầy trò ta sẽ cùng trao đổi về Kho báu của người Việt, là cơ sở cho việc tiếp cận Kiến trúc kho báu, một trong những loại hình Kiến trúc truyền thống Việt Nam.

Dừng một chút, Giáo sư nói tiếp:

- Hiếm một dân tộc nào trên thế giới có nhiều truyền thuyết như dân tộc Việt. Có tới hàng trăm truyền thuyết cấp quốc gia và cấp địa phương tồn tại song hành cùng chính sử. Đặc biệt là các truyền thuyết về nhân thần, vật báu và những lời tiên tri. Một con người, một địa điểm có nhiều truyền thuyết, thậm chí trái ngược nhau.

Người xưa sống cùng với truyền thuyết, như ngày nay con người sống cùng với thông tin trên máy tính, điện thoại di động. Tin xấu và tin tốt, hình ảnh thực tế và hình ảnh khoa học viễn tưởng cùng đồng hành. Theo thời gian, truyền thuyết nào không có lý hay không mang lại điều tốt đẹp cho cộng đồng, quốc gia thì sẽ lụi tàn, truyền thuyết nào có lý thì tồn tại và lan truyền mãi cho đời sau.

Giáo sư nói tiếp:

- Những truyền thuyết về kho báu dưới đây đã tồn tại hàng trăm năm, chắc phải có lý của nó.

Giáo sư tiếp tục:

- Tại Việt Nam, Kho báu quốc gia và Kho báu địa phương có thể phân thành 4 nhóm gắn với biến động của lịch sử: Kho báu thời Bắc thuộc, trong đó chủ yếu là thời Bắc thuộc lần thứ ba, từ thế kỷ thứ VII tới thế kỷ thứ X; Kho báu thời nhà Đinh, Tiền Lê, Lý, Trần và Hậu Lê, kéo dài từ thế kỷ X đến thế kỷ XVIII; Kho báu của vương quốc Chiêm Thành, từ thế kỷ thứ II đến thế kỷ XIX; Kho báu thời nhà Nguyễn, kéo dài từ đầu thế kỷ XIX đến năm 1945.

Giáo sư tiếp tục:

- Về Kho báu thời nhà Nguyễn, ta đã biết một cách khái quát trong buổi học trước. Phần lớn của cải tích tụ được đã bị cướp và mang hết về Pháp. Giai đoạn sau đó không có cơ sở hình thành kho báu. Chính quyền thuộc địa Pháp khai thác của cải đến đâu, thì một phần chuyển về chính quốc, chỉ dành một phần để xây dựng cơ sở hạ tầng và đô thị nhằm phục vụ cho mục đích thống trị lâu dài. Thuế được thu và phân chia theo hai loại ngân sách: Ngân sách Đông Dương, chủ yếu là thuế quan, thuế rượu, thuốc phiện, muối... và ngân sách địa phương, gồm các xứ Bắc Kỳ, Trung Kỳ, Nam Kỳ và các tỉnh, chủ yếu là thuế thân, thuế ruộng đất, thuế lao dịch... Thuốc phiện được Pháp công khai buôn bán, khuyến khích người Việt sử dụng chứ không bị cấm như ở chính quốc. Lợi nhuận từ thuốc phiện đã đóng góp tới 25% vào ngân sách của Pháp ở Đông Dương.

Giáo sư dừng lại và tiếp tục:

- Còn Kho báu của vương quốc Chiêm Thành, ta sẽ nói tới trong chuyên đề Kiến trúc Thánh địa Mỹ Sơn, Quảng Nam. Đây là một trong số 8 Di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới tại Việt Nam.

Giáo sư bật máy chiếu, và trên màn hình hiện ra bản đồ của Việt Nam thời kỳ Bắc thuộc lần thứ ba.

- Về Kho báu thời kỳ Bắc thuộc lần thứ ba, thời kỳ Việt Nam nằm dưới sự đô hộ của nhà Tùy, nhà Đường và nhà Nam Hán, kéo dài từ năm 603 đến năm 938.

Bắt đầu vào thời nhà Tùy, vùng đất của người Việt bị phân theo bốn quận thuộc Giao Châu: Giao Chỉ (châu thổ sông Hồng hiện nay); Ninh Việt (Đông bắc Việt Nam hiện nay); Cửu Chân (Thanh Hóa hiện nay); Nhật Nam (Nghệ An, Hà Tĩnh hiện nay). Lý do chỉ đề cập tới thời kỳ này mà không đề cập tới thời kỳ trước vì liên quan đến dân số. Theo số liệu thống kê của nhà Đường, vào thời Bắc thuộc lần thứ ba, ở quận Giao Chỉ có 9 huyện 30.056 hộ; quận Cửu Chân có 7 huyện 16.135 hộ; quận Nhật Nam có 8 huyện 9.915 hộ, quận Ninh Việt ở phía Đông bắc, không rõ số dân. Trước đó, với số hộ dân hạn chế, ruộng không lớn nên không thu được nhiều thuế và có ít của cải để tích lũy.

Tài sản hiện vật (ngà voi, đôi môi, ngọc trai, trầm hương, tơ lụa...) hay hiện kim (vàng, bạc) thu được từ thuế được chia làm hai phần. Một phần các quan đô hộ cho đóng kiện chuyển về Trung Quốc bằng đường bộ hoặc đường thủy. Một phần giữ lại tiêu dùng cho địa phương. Quan địa phương nào cũng tích góp của cải, thậm chí rất nhiều của cải. Có những người tích góp của cải nhiều đến nỗi không muốn quay trở lại Trung Quốc, cát cứ khai với chính quyền trung ương. Thậm chí có vị thái thú, khi vua chết còn không biết, bóc lột dân địa phương tàn bạo, gia đình giàu có ngang với hoàng gia.

Để đề phòng có lệnh vua bắt ngờ bắt quay về Trung Quốc, các vị quan cai trị này tìm cách giấu của cải cho con cháu đời sau.

Vị trí cất giấu kho báu hợp lý nhất là ở khu vực phía Bắc quận Giao Chỉ, ngày nay chủ yếu thuộc địa phận Quảng Ninh. Đây là vùng đất nhiều gò núi, thuận lợi cho việc cất giữ. Từ Trung Quốc sang lấy cũng tiện, rút về cũng dễ dàng, bằng cả đường bộ và đường thủy.

Những năm sau này, nhiều con cháu của các vị quan lại Trung Quốc xưa, bằng cách cá nhân hoặc theo chân các đoàn quân chinh phạt, quay lại Việt Nam để tìm kiếm. Vào thời kỳ chống Mỹ, có quân tình nguyện Trung Quốc sang giúp xây dựng đường tại khu vực Đông bắc Việt Nam. Song tại nhiều địa điểm, quân đội Trung Quốc lại đào sâu vào trong các hang núi tạo thành các hầm. Dân địa phương quen gọi là “*Hầm Trung Quốc*”. Không ai biết họ đào vào đó để làm gì và với mục đích gì. Các đoàn xe ra vào hầm đều được phủ kín bạt. Dân gian thì cho rằng họ tìm kiếm kho báu.

Giáo sư dừng lại và nói tiếp:

- Chúng ta dành thời gian cho một nhân vật lịch sử gắn với nhiều truyền thuyết liên quan đến kho báu, là Cao Biền.

Giáo sư chuyển hình trên máy chiếu, trên bảng xuất hiện những dòng tóm tắt về Cao Biền.

Cao Biền sinh năm 821 mất năm 887, vào cuối thời kỳ Bắc thuộc lần thứ ba (năm 603 - 938), là một tướng lĩnh và nhân vật chính trị nhà Đường (tồn tại năm 619 - 907), làm Tiết độ sứ An Nam đô hộ phủ (một phần vùng đất Giao Châu xưa, thuộc vùng đất Miền bắc Việt Nam ngày nay) từ năm 866 đến năm 868.

Trong lịch sử một đời người, hiếm có một người nào cùng lúc làm nhiều việc tốt và việc xấu như Cao Biền.

Tại Việt Nam, Cao Biền là một nhân vật đặc biệt cả trong chính sử và truyền thuyết.

Cao Biền là người có công xây dựng thành Đại La. Thành có chu vi khoảng 6,6 km, cao khoảng 8,67 m, chân thành rộng 8,33 m, 55 tháp canh với 6 cổng lớn và 6 cổng nhỏ, 3 hào nước, 34 đường đi. Ngoài thành còn có đê bao quanh bảo vệ, dài khoảng 7,09 km, đê cao 5 m, chân đê rộng 6,66 m. Năm 1010, Lý Thái Tổ dời đô về Đại La mới đổi tên thành là Thăng Long.

Theo thần phả làng Vạn Bảo (nay là phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, Hà Nội), Cao Biền có một người vợ tên là Lã Thị Nga, theo ông ta sang Việt Nam. Bà không ở cùng Cao Biền trong thành Đại La mà ở làng Vạn Bảo dệt lụa và truyền dạy nghề cho dân. Tại đây, bà trở thành tổ nghề dệt lụa Hà Đông.

Cao Biền có tài Phong Thủy, thường cuôi điều giấy bay trên không để tìm rõ các nơi trấn yểm.

Truyện thuyết kể rằng, một lần cuôi điều giấy bay đến Hoa Lu thì bị dân chúng dùng tên bắn. Cao Biền trọng thương, điều gãy cánh roi xuống một hòn núi. Từ đó núi mang tên "*Cánh Diêu*". Vùng đất Hoa Lu, Ninh Bình là quê hương của Đinh Bộ Lĩnh, sau này lên ngôi vua mở ra triều đại nhà Đinh.

Một truyền thuyết khác kể rằng, khi đắp thành, biết đất Cổ Pháp (Bắc Ninh ngày nay) có khí tượng đế vương, Cao Biền cao ngạo đến mức không chỉ muốn chế ngự thiên nhiên mà còn muốn chế ngự cả các vị thần, cho người đào đứt sông Đầm thành nhiều chỗ để trấn yểm. Dân chúng đã lấp lại như xưa và trồng một cây gạo tại chùa Châu Minh, làng Diên Uẩn để trấn chỗ bị đứt. Sau này, cây bị sét đánh, lộ ra trên thân cây bài thơ sấm truyền "*Cây gạo làng Diên Uẩn*", tiên đoán về sự lên ngôi sau này của Lý Công Uẩn, tiếp nối nhà Tiền Lê, mở ra triều đại nhà Lý.

Năm 1427, Lê Lợi phá thành Đông Quan bắt sống Hoàng Phúc, Thượng thư bộ Công của nhà Minh, thu nhiều sổ sách, giấy tờ quan trọng. Trong số này có cuốn "*Cao Biền Tấu thư địa lý kiểu tự*", nghĩa là sách tấu của Cao Biền về địa lý. Trong đó liệt kê xứ Giao Chỉ có 632 huyện chính, 1517 huyện phụ là những nơi "*Huyệt đạo*" phát "*Nhân tài anh kiệt*", văn thì đến "*Tam khôi trạng nguyên*", võ thì đến "*Quận công danh tướng*"... Ngoài ra, còn có tập "*Cao Biền Tấu thư cứu long kinh*", là bản tấu của Cao Biền về phong thủy, trong đó liệt kê 27 "*Đại địa*" phát đế vương.

Nhiều truyền thuyết lại cho rằng, với cuốn sách của Cao Biền, nhà Minh sang đây không phải tìm huyết đạo để phát quan, phát tướng và phát vua cho người Trung Quốc, cũng không phải tìm và phá huyết đạo để người Việt không còn sản sinh ra những nhân tài xuất chúng như Lý Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo, đã làm khó cho họ trong thời đại Lý, Trần. Nhà Minh sang đây tìm các kho báu được người Tàu cất giấu trong thời kỳ Bắc thuộc lần thứ ba. Các "*Huyết đạo*" chính là kho báu cấp địa phương và "*Đại địa*" chính là kho báu cấp quốc gia.

Giáo sư tiếp tục:

- Điều này làm liên tưởng đến truyền thuyết "*Lấy bẫy như Cao Biền dẫy non*", nói về việc Cao Biền có phép thuật "*Tản đậu thành binh*", nghĩa là: Đọc thần chú, gieo đậu vào đất, ủ kín một thời gian, mỗi hạt đậu sẽ biến thành một âm binh. Ông ta nhờ người, mỗi ngày thắp một nén hương, sau một trăm ngày việc sẽ thành. Song, người thắp hương hiểu điều xấu của Cao Biền đã thắp luôn 100 nén. Thành ra Cao Biền có đủ 100 âm binh, nhưng "*dẫy non*" nên chẳng làm được trò trống gì. Truyền thuyết này cũng dẫn tới nhận định rằng, Cao Biền ham muốn có quân đội riêng. Để nuôi quân đội phải có nhiều tiền. Với tài Phong thủy, ông ta cho rằng sẽ đoán biết được vị trí mà các vị quan cai trị Trung Quốc xưa cất giấu kho báu. Vì họ cũng chôn giấu kho báu theo thuật Phong thủy. Song, Cao Biền đã không tìm được kho báu, giấc mơ về đội quân riêng tan vỡ và đành lại phải trung thành với vương triều nhà Đường. Khi quay về Trung Quốc, một Cao Biền hiểu thắng, kiêu ngạo và cuồng vọng đã trở nên suy sụp và bị chính các tướng lĩnh nhà Đường giết chết cùng với người hầu cận. Thi thể của họ đều bị ném xuống một hố duy nhất.

Giáo sư bổ sung:

- Việc trấn yểm có lẽ ám chỉ đến tìm kiếm địa điểm kho báu.

Giáo sư chuyển hình ảnh đến một cột đá to lớn và nói:

- Một dấu tích nữa gắn với truyền thuyết về Cao Biền là cột đá tại chùa Dạm, Bắc Ninh. Đây được cho là vật trấn yểm huyệt đạo có từ thời Cao Biền. Song vào thời Lý đã bị phá bỏ và thay thế bằng cột đá, một kiêu thạch kinh hay cột đá khắc kinh Phật và còn lưu lại đến tận ngày nay.

Thầy dừng lại và nói tiếp:

- Về Kho báu thời nhà Đinh, Tiền Lê, Lý, Trần và Hậu Lê, kéo dài từ thế kỷ X đến thế kỷ XVIII. Người Trung Quốc tìm kiếm, thậm chí cả người Pháp cũng ra sức, không từ một biện pháp bạo ngược nào, song chắc kết quả rất hạn chế.

Thầy kết luận:

- Như vậy tại vùng Hạ châu thổ sông Hồng, hiện còn lưu lại hai hệ thống kho báu chồng lên nhau: Hệ thống kho báu có từ thời kỳ Bắc thuộc lần thứ ba và Hệ thống kho báu có từ thời kỳ nhà Đinh, Tiền Lê, Lý, Trần và Hậu Lê.

- Thừa thầy, nếu kho báu tồn tại, chắc phải có truyền thuyết liên quan đến việc người Việt khai thác và sử dụng kho báu?. Một học viên có ý kiến.

- Chúng ta, không một ai trong phòng học này mà không biết về sự tích Hồ Hoàn Kiếm hay Hồ Gươm. Sự tích liên quan đến kiếm thần mang tên "*Thuận Thiên*", có nghĩa là thuận theo ý trời. Đây là thanh kiếm ẩn chứa một sức mạnh thần kỳ, giúp Lê Lợi đuổi được quân Minh ra khỏi bờ cõi và lập ra vương triều Hậu Lê.

Truyện thuyết kể rằng: Khi tiền nhân quyết định cho nghĩa quân mượn kiếm thần. Kiếm không đến thẳng với Lê Lợi mà được chia làm hai phần: lưỡi kiếm và chuôi kiếm. Điều này được giải thích là việc sử dụng nguồn lực từ kho báu của tiền nhân không hề đơn giản, phải trải qua những quy trình nhất

định. Sau khi thắng giặc, kiếm thần đã được trả lại cho tiền nhân. Sự tích hồ Hoàn Kiếm được lan truyền.

Thầy tiếp tục:

- Thạm chí, còn có truyền thuyết cho rằng: Đầu tư xây dựng cung điện, dinh thự chỉ được lấy từ chiến lợi phẩm chiến tranh chứ không được phép lấy từ kho báu quốc gia. Vị vua nào làm trái điều này, đều bị hoàng gia và cộng đồng lên án, có nguy cơ bị phế truất vì có thể làm cả vương triều sụp đổ.

Chuông báo hết giờ.

\*

\* \*

Tuấn Anh đến đón Quyên ở sân trường.

Trên xe, Tuấn Anh không thấy Quyên, người luôn mở đầu cho các cuộc trò chuyện, nói gì, nên đành mở lời trước:

- Hôm nay, em có về trầm ngâm?

- Nghe bài giảng của thầy về Kho báu của người Việt, em lại nghĩ về hai Đại khí trong Tứ đại khí của người Việt. Có thể hai Đại khí này liên quan đến kho báu. Trong bài giảng hôm nay, thầy có nói về Kho báu thời kỳ Bắc thuộc lần thứ ba (thế kỷ thứ VII - thế kỷ X), được cất dấu chủ yếu tại tỉnh Quảng Ninh ngày nay.

Ngoài Chuông Quy Điền như ta đã biết, còn một Đại khí nữa liên quan đến kho báu là Tượng Phật Quỳnh Lâm (Chùa Quỳnh Lâm, Đông Triều, Quảng Ninh). Tượng được Thiền sư Nguyễn Minh Không (năm 1065 - 1141, người làng Gia Viễn, thuộc Cổ đô Hoa Lư, Ninh Bình) khởi dựng. Không biết Đại khí này có liên quan đến việc thu hút những báu vật bằng vàng trong các kho báu chôn cất tại đây hay không?

- Anh nghĩ rằng điều này hoàn toàn có thể.